

QUYẾT ĐỊNH

Miễn, giảm học phí cho Sinh viên học kỳ II năm học 2024 - 2025

GIÁM ĐỐC

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 01/10/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Phân hiệu Trường DHLN tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường DHLN tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Hội đồng xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội và miễn giảm học phí cho sinh viên là người dân tộc thiểu số họp ngày 20 /03/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí cho 74 sinh viên hệ chính quy trong học kỳ II năm học 2024 – 2025, như sau:

- Miễn 100% học phí: 23 sinh viên.
- Giảm 70% học phí: 50 sinh viên.
- Giảm 50% học phí: 01 sinh viên

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Thời gian tính miễn, giảm từ học kỳ II năm học 2024 - 2025, sinh viên được miễn giảm học phí có tên trong danh sách tại Điều 1 nếu đã nộp tiền học phí học kỳ II năm học 2024 - 2025 được nhà trường hoàn trả theo quy định.

Điều 3. Trưởng các Khoa CN&KT; Kinh tế; Lâm học; Nông học; TN&MT, Phòng CT&CT SV; TCKT và các Sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Hải Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 224/QĐ-PHĐHLN-SV ngày 20 tháng 03 năm 2025
của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày Sinh	Lớp	Đối tượng	Miễn (100%)	Giảm (70%)	Giảm (50%)
I	Khoa CN&KT							
1	227549001002	Hoàng Trung Tiến	01/01/2004	K67_TKNT	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
II	Khoa Kinh tế							
2	217340301021	Thị Đót	10/11/2003	K66_Kế toán	Khuyết tật	100		
3	227340301021	H' Len	11/08/2004	K67_Kế toán	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
4	22A7340301672	Thái Thị Xuân Hồng	17/12/1996	K67A2_LTKT_CQ	Con thương binh bệnh binh	100		
5	247510605007	Kiều Nữ Quỳnh Trâm	12/10/2005	K69_LOGISTICS	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
II	Khoa Lâm học							
6	227850103020	Trần Huỳnh Triệu Mẫn	03/07/2004	K67_QLDD	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
7	227850103069	Nguyễn Văn Hiệp	03/09/2003	K67_QLDD	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ nghèo	100		
8	237620205002	K' Nhuận	21/08/2005	K68_LAMSINH	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
9	237620205003	Bộ Bê Trần Trung Phi	22/02/2005	K68_LAMSINH	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
10	247620205003	Tâm Bô Tiêm	14/10/2006	K69_LS	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
11	247620205007	H' Hậu	08/10/2006	K69_LS	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ nghèo	100		
12	247850103038	Thị Quỳnh	26/06/2005	K69_QLDD	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ nghèo	100		
III	Khoa Nông học							
13	217640101012	Vi Thị Giang	06/11/2002	K66B_THUY	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
14	217620110003	Nguyễn Văn Long	05/09/2001	K66_KHCT	Con thương binh bệnh binh	100		
15	21B640101635	Lê Thanh Dũng	19/11/1984	K66A6_LT_THUY	Con thương binh bệnh binh	100		
16	23B640101029	Đỗ Lương Cường	02/02/1990	K68A3_LT_TY_CQ	Khuyết tật	100		
17	23B640101032	Huỳnh Ngọc Duy	25/05/1996	K68A3_LT_TY_CQ	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	



18	227420201001	Huỳnh Ngọc Hương Hoa	26/08/2003	K67_BVTV	Khuyết tật	100		
19	227640101011	Phan Công Thành Đạt	05/09/2000	K67A_THUY	Con thương binh bệnh binh	100		
20	227640101034	Hồ Thị Bích Loan	24/03/2003	K67A_THUY	Dân tộc thiểu số , hộ nghèo	100		
21	237640101048	Đình Thành Thủy	29/08/2005	K68A_THUY	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
22	227640101063	K' Văn Vũ	16/09/2004	K68B_THUY	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
23	247620110002	Nguyễn Bình Thuận	08/07/2006	K69_KHCT	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
IV	Khoa TN&MT							
24	217620211007	Điều Nho	12/12/2000	K66_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
25	217620211019	Dong Gur Ha Khuy	28/11/2003	K66_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
26	217620211017	K' Văn Vĩ	25/02/2003	K66_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
27	217850101016	Đỗ Thị Ngọc Mai	01/11/2003	K66_QLTN&MT	Con CBVC mất sức lao động			50
28	217850101011	Lương Thị Mùi	29/10/2003	K66_QLTN&MT	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ CN	100		
29	227620211016	Điều Nhân	04/04/2004	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
30	227620211028	Điều Tâm	27/03/2003	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
31	227620211011	Điều Lịch	11/09/2003	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
32	227620211005	Điều Đình Hải	20/11/2003	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
33	227620211012	Điều Linh	20/06/2003	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
34	227620211013	Điều Lức	07/10/2003	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
35	227620211007	Điều Huân	17/07/2003	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
36	227620211020	Điều Thương	18/03/2004	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
37	227620211024	K' Hoàng Vỹ	12/07/2004	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
38	227620211003	Rơ Ông Ha Đức	13/03/2003	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
39	227620211021	Điều Tiến	03/05/2003	K67_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
40	237640101008	Lương Thị Hương	11/03/2005	K68_QLTN&MT	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ CN	100		
41	237620211010	Điều Ngức	15/01/2004	K68_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
42	237620211004	Điều Hiền	17/08/2005	K68_QLTNR	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ nghèo	100		
43	237620211013	Điều Thịnh	24/11/2005	K68_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

44	237620211012	Điều Thi	15/09/2005	K68_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
45	237620211023	K' Quý	07/04/2005	K68_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
46	237620211022	Điều Kiệt	17/08/2004	K68_QLTNR	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ nghèo	100		
47	237620211005	Điều Hoàng	28/01/2004	K68_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
48	237850101017	K' Zin	11/01/2004	K68_QLTNR	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ CN	100		
49	237620211029	K' Đuy	18/10/2005	K68_QLTNR	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ nghèo	100		
50	237620211032	Điều Pen	01/01/2004	K68_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
51	237620211014	Điều Tiên	16/02/2004	K68_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
52	247620211009	Điều Khuyết	13/01/2006	K69_QLTNR	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ nghèo	100		
53	247620211012	Điều Lực	03/08/2005	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
54	247620211013	Điều Lung	25/02/2006	K69_QLTNR	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ nghèo	100		
55	247850101017	Điều Đạt	06/11/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
56	247620211002	Điều Đàm	01/04/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
57	247620211004	Điều Hiền	15/05/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
58	247620211005	Điều Huân	24/03/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
59	247620211006	Cil Da Khang	21/01/2005	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
60	247620211007	Điều Khang	05/05/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
61	247620211014	K' Nghĩa	17/02/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
62	247620211017	Lương Việt Quang	27/09/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
63	247620211018	Điều Sếp	09/09/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
64	247620211019	Trần Điều Thanh Tịnh	27/03/2005	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
65	247620211025	Ka Thuyền	07/01/2006	K69_QLTNR	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ CN	100		
66	247620211033	Điều Châu	05/10/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
67	247620211035	Điều Nghĩa	03/11/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
68	247620211046	Điều Hậu	28/01/2004	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
69	247620211034	Điều Vàng	02/05/2005	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
70	247620211047	K' Văn Tỷ	02/01/2006	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	

11/11/2011
 11/11/2011
 11/11/2011
 11/11/2011
 11/11/2011

71	247620211053	K' Nguyên	24/09/2004	K69_QLTNR	Dân tộc ít người vùng ĐBKK		70	
72	247620211010	Thị Liệu	13/09/2006	K69_QLTN&MT	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ CN	100		
73	247850101019	Thị Nhi	09/01/2006	K69_QLTN&MT	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ CN	100		
74	247850101025	H' Út	14/07/2006	K69_QLTN&MT	Dân tộc thiểu số vùng cao, hộ nghèo	100		
Tổng cộng (SV)						23	50	1

(Handwritten signature)

